

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 08/TB-TCKH ngày 02/4/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

DVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024	So sánh thực hiện với		
					KH Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	5	6=5/1	7=5/2	9=5/CK
A	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u>	<u>5.003.091</u>	<u>5.090.091</u>	<u>632.662</u>	<u>12,6</u>	<u>12,4</u>	<u>93,3</u>
I	Thu cân đối NSNN	3.661.922	3.748.922	552.035	15,1	14,7	111,6
1	Thu nội địa	3.661.922	3.748.922	552.035	15,1	14,7	111,6
2	Thu viện trợ	0	0	0	0,0	0,0	0,0
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.199.499	1.199.499	26.335	2,2	2,2	14,6
III	Thu chuyển nguồn	0	0	54.285	0,0	0,0	3.474,8
IV	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	0	0,0	0,0	0,0
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	7	0,0	0,0	0,0
VI	Thu kết dư ngân sách	141.670	141.670	0			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	5.003.091	5.089.187	418.305	8,4	8,2	94,0
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	3.803.592	3.889.688	407.261	10,7	10,5	93,7
1	Chi đầu tư phát triển	1.841.500	1.937.737	113.990	6,2	5,9	56,0
2	Chi thường xuyên	1.886.020	1.865.338	293.271	15,5	15,7	126,9
3	Chi ủy thác cho ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh cho vay giải quyết việc làm	0	0	0	0,0	0,0	0,0
4	Dự phòng ngân sách	76.072	86.613	0	0,0	0,0	0,0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Tỉnh	1.199.499	1.199.499	11.036	0,9	0,9	109,0
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	0	0	7	0,0	0,0	1,7
IV	Chi tạm ứng	0	0	0	0,0	0,0	0,0
V	Chi quản lý qua ngân sách		0				
VI	Dự nguồn cải cách tiền lương		0				